

Bản án số: 05/2019/DS-PT

Ngày: 23/8/2019

V/v: *Đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Đàm Thị Minh Hương**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lường Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Đồi**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DSST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H; Sinh năm 1962; Địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Triệu Phúc V; Sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn B, xã Y1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn H

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 08/7/2015 ông H mua của ông Triệu Phúc V 01 (một) con trâu đực khoảng hơn 1 tuổi với giá 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi thỏa thuận hai bên đã giao nhận trâu, ông H trả cho ông V 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), còn 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) trả nốt vào ngày 31/7/2015. Việc mua bán ông H có viết giấy mua bán trâu ngày 08/7/2015, có chữ ký của ông V.

Ngày 06/10/2015 có ông Triệu Kim T ở thôn B, xã Y1, huyện C đến nhận con trâu ông H mua của ông V là của ông T bị mất trộm vào ngày 08/7/2015. Ngày 02/11/2015 ông H đã bàn giao con trâu cho ông T. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố giao dịch giữa ông H và ông V là vô hiệu do lừa dối và buộc ông V phải trả cho ông H 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản đối chất ngày 26/10/2018 bị đơn Triệu Phúc V trình bày:

Khoảng tháng 02 năm 2015 âm lịch (khoảng tháng 3/2015 dương lịch) không nhớ ngày, tại nhà ông H, ông V có bán cho ông Nguyễn Văn H 01 (Một) con trâu đực khoảng một năm tuổi, màu lông đen – đỏ, có sừng dài khoảng 10cm. Số tiền hai bên thỏa thuận mua bán là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng đến lúc thanh toán ông H chỉ có 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), ông V cũng nhất trí nhận. Việc mua bán trâu có giấy tờ do ông H tự viết tay. Sau khi viết xong ông H đưa cho ông V một chiếc bút bi màu xanh, ông V không biết đọc, viết nên tự tay chấm mực bút vào đầu ngón tay điểm chỉ vào tờ giấy mua bán (Tờ giấy màu vàng). Chữ ký tại Giấy mua bán trâu ngày 08/7/2015 ông H cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của ông V. Con trâu bán cho ông H do ông V mua với một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên với giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Thời gian mua trâu khoảng 17 giờ ngày không nhớ. Sau khi mua trâu gửi xe máy ở nhà người quen ở xã S rồi dắt trâu về nhà, khi đến thôn N, xã Y thì trời tối nên ngủ nhờ nhà Triệu Tài V1, sáng hôm sau dắt trâu về thì gặp ông H và bán cho ông H con trâu vào khoảng 8 giờ sáng, tại nhà ông H. Ông V xác định con trâu bán cho ông H không phải là con trâu ông H trả cho ông Triệu Kim T nên không đồng ý trả cho ông H 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo yêu cầu của ông H.

Bản án số 02/2019/DSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn căn cứ các điều 26, 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 166, 398, 399, 400, 401 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quyết định:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nguyễn Văn H về việc đòi lại T sản là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mua trâu đổi với bị đơn là ông Triệu Phúc V.

- Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 17/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ án sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Văn H có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Triệu Phúc V trả lại số tiền mua trâu 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Bởi vì, việc ông H mua trâu của Bị đơn ngày 08/7/2015 là sự thật, có giấy mua bán trâu, đã trả đủ tiền theo thỏa thuận và con trâu đó là trâu ông Triệu Kim T bị mất trộm. Chính quyền địa phương, công an xã động viên ông trả trâu cho ông Triệu Kim T và ông đã bàn giao con trâu cho ông T ngày 02/11/2015. Ông cũng đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát.

Bị đơn Triệu Phúc V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung kháng nghị, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp không đúng, xác định thiếu người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để làm rõ nội dung vụ án, chưa có quyết định xử lý vật chứng trong vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Công an huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trừ bị đơn Triệu Phúc V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; Đề nghị đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Triệu Kim T là người đang quản lý, sở hữu con trâu nhận từ ông H. Trong hồ sơ cơ quan điều tra cung cấp có lời khai của những người biết sự việc ông Triệu Kim T mất trâu, ông Nguyễn Văn H mua trâu, bị đơn dắt trâu, ngủ nhờ, gửi xe trước khi bán trâu cho ông H nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng để làm rõ các nội dung liên quan đến vụ án là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án khách quan, chính xác, đảm bảo quyền lợi của đương sự trong vụ án. Chưa có quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là không chính xác. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Đơn khởi kiện, Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán trâu vô hiệu do bị lừa dối và yêu cầu Bị đơn trả tiền mua trâu 17.500.000đ (là yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu). Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và Bị đơn xác nhận có mua bán với nhau một con trâu với giá tiền như trên và đã thanh toán xong, nhưng hai bên xác định thời điểm mua bán và con trâu mua bán khác nhau. Để xem xét có chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn trả lại tiền hay không phải xem xét hợp đồng mua bán trâu có hiệu lực hay vô hiệu, do vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là chưa đúng. Kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này có căn cứ chấp nhận.

[2] Ngày 06/10/2015 có ông Triệu Kim T ở thôn B, xã Y1, huyện C đến nhận con trâu ông H cho rằng mua của Bị đơn là của ông T bị mất trộm vào ngày 08/7/2015. Ngày 02/11/2015 ông H đã bàn giao con trâu cho ông T. Hiện nay ông T đang quản lý con trâu. Việc ông T mất trâu cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án,

chưa khởi tố bị can, đang tạm đình chỉ giải quyết vụ án và đã tiến hành giám định ghen con trâu ông T nhận từ ông H và con trâu còn lại của gia đình ông T, kết quả hai mẫu giám định có quan hệ huyết thống mẹ con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, cần chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát.

[3] Biên bản xác minh ngày 22/3/2019 (BL36) thể hiện Bị đơn Triệu Phúc V thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú và được Phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn cấp thông hành xuất nhập cảnh sang Trung quốc, không rõ thời điểm trở về, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, thì văn bản tố tụng được cấp, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bằng thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại 3 nơi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa là chưa đúng với quy định và chưa đảm bảo để Bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H trình bày liên quan đến sự việc mua trâu của Triệu Phúc V có một số người biết, như ông Triệu Tài V1 cho bị đơn Triệu Phúc V ngủ nhờ trước khi Bị đơn bán trâu cho ông H, bà Nông Thị M người cùng thôn nói với ông H thấy Triệu Phúc V (Y1) dắt trâu từ nhà Triệu Tài V1 (Y) đi ra ngoài nhà ông H ngày 23/5 (Âm lịch), một số người cho ông H vay tiền mua trâu và những người cùng thôn biết việc mua và chăn dắt trâu trước khi trả trâu cho ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày vợ con ông H khi đi gặt ra đến cổng có nhìn thấy bị đơn dắt trâu qua nhà và vợ ông H chứng kiến việc ông H trả nốt 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho Bị đơn vào trưa ngày 31/7/2015. Tiền mua trâu là tiền của gia đình ông H. Bị đơn khai sau khi mua trâu của một người không quen biết ở xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên thì có gửi xe máy ở nhà người quen là anh Nông Cao T1 và chị Triệu Thị T2 ở xã S để dắt trâu về. Tất cả các nội dung trên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai làm rõ và đưa những người biết sự việc vào tham gia tố tụng là thiếu sót, chưa đủ căn cứ xác định con trâu Nguyên đơn trả cho ông Triệu Kim T có phải là con trâu Nguyên đơn mua của Bị đơn hay không, do vậy, cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của Nguyên đơn là chưa đủ căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi của Nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm là có căn cứ. Viện kiểm sát kháng nghị việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không đảm bảo việc giải quyết vụ án khách quan, đúng quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với kháng nghị về nội dung phải có Quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra mới giải quyết được vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cần có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra có ý kiến về việc xử lý vật chứng trong vụ án hình sự.

[6] Bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, cấp phúc thẩm không khắc phục được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 17/6/2018 của Viện kiểm sát, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Nguyễn Văn H không phải chịu án án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng áp phí phúc thẩm.

Án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn H và Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 17/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn

2. Hủy Bản án số 02/2019/DSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 07840 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện C1;
- Các đương sự
- THADS huyện C1;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa